

なまえ： _____

クラス：6/9

BÀI LUYỆN TẬP THI HKI (2022-2023)

I. Em hãy viết các chữ HIRAGANA vào ô tương ứng.

| | | | | | |
|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| gya | ju | myo | gyo | mu | re |
| n | cha | pyo | ta | na | chi |
| so | myu | sha | chu | hya | ni |
| wo | hi | ja | ne | tsu | te |
| yu | su | ra | a | rya | ryu |

II. Hãy viết tiếp lời tự giới thiệu của bạn Mayumi



(1) は _____。

(2) _____ まゆみです。

(3) どうぞ _____。

(4) おねがい _____。

III. Hãy chọn cách đọc của các chữ HIRAGANA trong khung dưới đây và viết vào khung bên dưới.

| | | | | | | | | | |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| は | ぶ | ひ | だ | じ | ば | び | ぎ | ぽ | ぺ |
| A. ba | B. da | C. po | D. ha | E. ji | F. gi | G. pe | H. hi | I. pu | J. bi |











| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| | | | | | | | | | |

IV. Hãy đọc đoạn văn rồi viết bằng HIRAGANA những từ được gạch chân vào khung dưới đây.

① **Tôi** yêu ② **thành phố** Hồ Chí Minh xiết bao! Bởi lẽ chính tại nơi đây tôi đã oe oe cất tiếng khóc đầu tiên, nơi tôi được sống trong vòng tay yêu thương của cha mẹ, anh em và bao người thân yêu khác. Yêu sao ánh mắt dịu hiền của mẹ và ③ **giọng nói** trầm ấm của cha, yêu sao những bữa ④ **cơm** đậm bạc mà cả ⑤ **gia đình** sum họp quây quần bên nhau. Tôi yêu ⑥ **buổi sáng** tiết trời lành lạnh mà cha vẫn chở tôi đến trường để học hành. Tôi yêu cả ⑦ **buổi trưa** hè ⑧ **trời nắng** như đồ lửa và yêu cả những cơn ⑨ **mưa** chợt đến, chợt đi. Khi mặt trời khuất bóng, tôi lại thần thờ ngắm nhìn thành phố về đêm rực rỡ ánh ⑩ **đèn** màu. Tất cả đều hòa quyện và trở thành tình yêu tha thiết trong tôi. Để rồi mỗi khi xa thành phố, lòng tôi lại rung rung một niềm thương nhớ khôn nguôi. Ôi! Thành phố của tôi!

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| ⑥ | ⑦ | ⑧ | ⑨ | ⑩ |

V. Viết từ phù hợp với hình

| | |
|---|--|
| 1.  | 2.  |
| 3.  | 4.  |
| 5.  | 6.  |
| 7.  | 8.  |
| 9.  | 10.  |

VI. Hãy viết cách đọc tương ứng với số

| | | |
|----|---------|----|
| 1 | はちじゅうなな | |
| 2 | | 25 |
| 3 | きゅう | |
| 4 | ごじゅう | |
| 5 | | 63 |
| 6 | さんじゅうはち | |
| 7 | じゅうろく | |
| 8 | | 5 |
| 9 | | 10 |
| 10 | さんじゅうよん | |

VII. Hãy viết lời chào tương ứng với tranh





